

Sưu . TCKT

PHẠM HOÀNG HIỆP

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG
VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 36

300
CƠ
ÁCH
KIẾ
TFC

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên (SAMCO) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu, ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 10 năm 2014.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.611.047.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

2. Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát viên

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát viên trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo hợp nhất này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Việt Nam	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Thành viên
Bà Chu Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam	Thành viên
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Thành viên
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Thành viên (bổ nhiệm từ 12/09/2014)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Tài	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Pha	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nam Thái	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ 10/10/2014)
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban kiểm soát viên

Họ và tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Lê Thu Minh	Việt Nam	Kiểm soát viên phụ trách
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Kiểm soát viên
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Việt Nam	Kiểm soát viên (bổ nhiệm từ 03/04/2014)
Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Việt Nam	Kiểm soát viên (từ nhiệm từ 22/01/2014)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đồng ý phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2015



Số: 181/2015/BCKTHN2014-HCM.00147

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (gọi tắt là Tổng Công ty) và các công ty con (được gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 26 tháng 6 năm 2015, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn; Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông và Công ty CP Ô tô An Thái: Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, các công ty này vẫn chưa có quyết định phê duyệt quỹ lương. Do đó, quỹ lương được trích trong năm 2014 là quỹ lương tạm tính. Nếu quỹ lương được duyệt thay đổi so với quỹ lương tạm tính sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty dẫn đến lợi nhuận trong năm 2014 sẽ thay đổi theo một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

- Theo văn bản số 533/TT-KTTC của Trung tâm quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng thuộc Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 02 năm 2015 về việc thu hồi tiền trợ giá xe buýt 6 tháng đầu năm 2013 của các doanh nghiệp vận tải do đã tạm cấp thừa vượt đơn giá quy định, Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn bị thu hồi số tiền là 21.013.737.754 VND nhưng chưa được ghi nhận trong năm 2014. Nếu Công ty ghi nhận khoản bị thu hồi này trong năm 2014 thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" sẽ giảm đi 21.013.737.754 VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập hiện hành" giảm đi 4.623.022.306 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi 16.390.715.448 VND. Đồng thời, trên Bảng cân đối kế toán, khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước" sẽ giảm đi 4.623.022.306 VND và chỉ tiêu "Quỹ khen thưởng và phúc lợi" sẽ giảm đi 16.390.715.448 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 03 tháng 6 năm 2014:

- Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn chưa được kiểm toán cho năm tài chính 2013. Công ty này đã được Ủy ban Nhân Dân Tp.HCM quyết định cho phá sản theo quyết định số 7250/UBND-CNN ngày 9/11/2005.
- Công ty TNHH MTV Đóng Tàu An Phú chưa trích lập dự phòng các khoản nợ khó đòi.
- Công ty Cổ Phần Cơ Khí Giao Thông Quận 4 chưa trích lập dự phòng các khoản nợ khó đòi.

Báo cáo tài chính của Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán là từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính này tại ngày 26 tháng 3 năm 2015.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

DIỆP QUỐC BÌNH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2200-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2015

48995
IG TY
EM HUU
TOÁN
ET NAM
HỒ CHÍ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.038.081.691.547	1.415.310.813.320
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	678.330.033.007	316.046.660.768
Tiền	111		486.412.184.066	177.928.569.244
Các khoản tương đương tiền	112		191.917.848.941	138.118.091.524
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		93.873.514.771	49.304.160.712
Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	93.873.514.771	49.304.160.712
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		667.424.543.806	552.408.397.551
Phải thu khách hàng	131	5.3	297.136.819.722	344.899.449.964
Trả trước cho người bán	132	5.4	59.200.370.385	59.977.596.052
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.5	360.434.659.461	207.366.593.252
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(49.347.305.762)	(59.835.241.717)
Hàng tồn kho	140	5.6	548.447.034.495	433.234.877.142
Hàng tồn kho	141		548.521.881.853	433.329.772.624
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(74.847.358)	(94.895.482)
Tài sản ngắn hạn khác	150		50.006.565.468	64.316.717.147
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	3.032.878.505	5.377.367.406
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.19	2.726.560.067	6.382.864.491
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.19	8.191.167.828	18.050.589.451
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.8	36.055.959.068	34.505.895.799



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

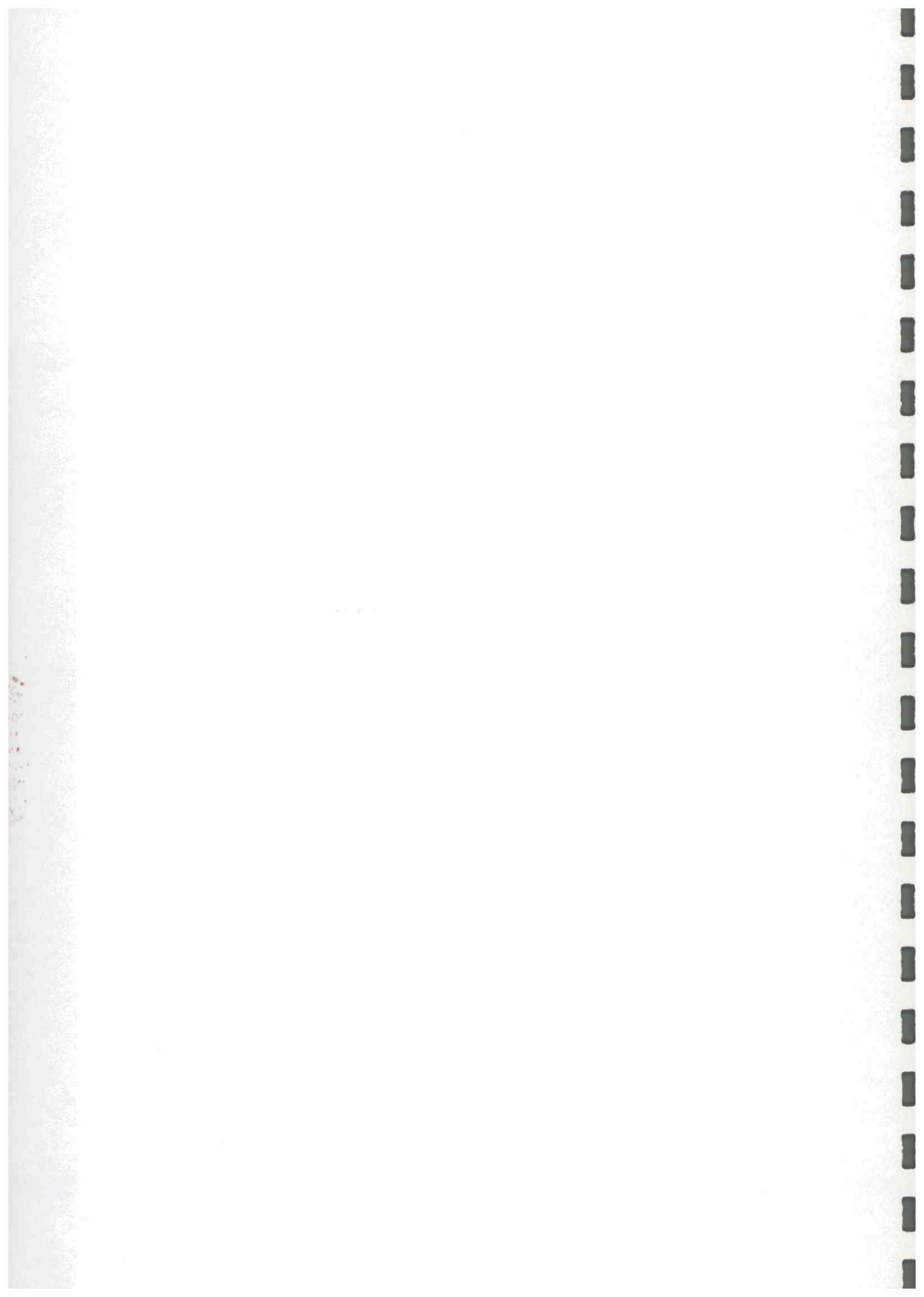
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.389.461.157.035	3.146.524.092.574
Các khoản phải thu dài hạn	210		104.810.670.610	80.371.748.195
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218	5.9	104.810.670.610	80.371.748.195
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		2.115.690.247.079	2.129.219.916.397
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.408.623.081.871	1.219.899.281.476
Nguyên giá	222		2.918.132.093.572	2.600.482.873.898
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.509.509.011.701)	(1.380.583.592.422)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	232.821.881.413	227.975.986.903
Nguyên giá	228		245.742.364.606	240.145.219.754
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.920.483.193)	(12.169.232.851)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.12	474.245.283.795	681.344.648.018
Bất động sản đầu tư	240	5.13	12.705.231.188	14.262.352.904
Nguyên giá	241		37.488.593.253	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(24.783.362.065)	(23.226.240.349)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	1.042.838.633.043	823.383.121.358
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.043.822.567.812	832.623.776.127
Đầu tư dài hạn khác	258		18.000.000.000	10.848.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(18.983.934.769)	(20.088.654.769)
Tài sản dài hạn khác	260		113.416.375.115	99.286.953.720
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.15	109.708.696.273	96.500.157.619
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.850.595.192	1.985.441.101
Tài sản dài hạn khác	268		857.083.650	801.355.000
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.427.542.848.582	4.561.834.905.894



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.624.626.219.956	2.410.363.263.761
Nợ ngắn hạn	310		1.592.075.415.678	1.370.946.731.238
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.16	472.728.166.758	609.504.268.257
Phải trả cho người bán	312	5.17	255.158.967.585	168.909.835.329
Người mua trả tiền trước	313	5.18	85.408.943.348	57.995.895.793
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.19	40.983.081.930	66.822.953.518
Phải trả công nhân viên	315		151.974.591.292	72.311.934.246
Chi phí phải trả	316	5.20	29.216.382.937	62.654.136.909
Phải trả nội bộ	317		3.128.502.993	3.128.502.993
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.21	400.925.825.084	248.849.234.657
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	642.742.898
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		152.550.953.751	80.127.226.637
Nợ dài hạn	330		1.032.550.804.278	1.039.416.532.523
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	5.22	529.241.739.824	412.501.745.920
Vay và nợ dài hạn	334	5.23	282.528.926.051	442.328.823.820
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	7.071.795.585
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	145.977.179
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	300.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	338		199.700.586.388	174.621.219.980
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		21.079.552.015	2.446.970.039
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.626.664.036.840	2.009.954.749.041
Vốn chủ sở hữu	410		2.626.664.036.840	2.009.954.749.041
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.24	1.454.884.762.360	1.370.152.826.450
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.24	1.673.001	-
Cổ phiếu quỹ	414		(426.463.727)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		664.490.679	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		103.411.500.000	99.037.522.500
Quỹ đầu tư phát triển	417	5.24	129.875.210.589	162.744.537.610
Quỹ dự phòng tài chính	418	5.24	4.318.656.368	4.694.827.012
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	5.24	396.141.529.782	45.961.791.094
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		191.928.564.214	175.636.348.712
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	5.24	345.864.113.574	151.726.895.663
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		176.252.591.786	141.516.893.091
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.427.542.848.582	4.561.834.905.894



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		3.478.313.127	19.051.935.483
Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		604.295	617.733
+ EUR		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

VÕ NGỌC THỦY
Người lập

PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2015

187
CƠ
HẠO
ISA
TỆM
HÀNH
HỒ
S-C
Y
U HAI
N
AM
CHIN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.601.381.698.185	4.621.225.065.297
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.066.963.635	1.577.284.243
Doanh thu thuần	10	6.1	5.599.314.734.550	4.619.647.781.054
Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.931.399.956.695	4.073.615.623.387
Lợi nhuận gộp	20		667.914.777.855	546.032.157.667
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	43.707.421.954	54.243.339.362
Chi phí tài chính	22	6.4	45.010.653.575	53.184.663.442
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		50.919.988.695	54.460.379.658
Chi phí bán hàng	24	6.5	110.497.960.560	83.944.827.608
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	293.024.254.830	268.214.642.450
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		263.089.330.844	194.931.363.529
Thu nhập khác	31	6.7	271.195.746.328	180.893.745.279
Chi phí khác	32		195.317.712.016	128.577.252.845
Lợi nhuận khác	40		75.878.034.312	52.316.492.434
Lãi/(Lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		212.101.467.439	75.326.748.827
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		551.068.832.595	322.574.604.789
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		79.418.571.796	55.713.026.944
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(7.598.074.967)	(3.041.636.579)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		479.248.335.766	269.903.214.423
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		44.238.814.499	18.935.856.633
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		435.009.521.267	250.967.357.790



VÕ NGỌC THÙY
Người lập



PHẠM HOÀNG HIỆP
Kế toán trưởng



TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	551.068.832.595	322.574.604.789
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	192.958.380.659	162.902.412.889
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(10.515.078.580)	(36.558.656)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(244.143.245)	2.058.771.090
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(54.569.733.360)	(47.583.702.505)
Chi phí lãi vay	06	43.532.300.715	50.162.738.492
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	722.230.558.784	490.078.266.099
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(43.196.404.442)	(50.166.324.880)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(117.708.592.200)	(130.149.109.152)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	337.160.363.625	84.784.619.618
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(6.733.661.398)	218.235.919.359
Tiền lãi vay đã trả	13	(39.745.484.399)	(54.460.379.658)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(76.190.674.434)	(45.461.065.418)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	33.841.168.542	218.973.128.784
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(61.002.808.119)	(51.882.232.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	748.654.465.959	679.952.822.102
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(330.003.705.248)	(599.854.369.748)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	186.151.670.191	38.764.727.435
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(67.770.032.920)	(25.215.502.370)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	65.914.192.031	10.700.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(27.501.600.000)	(86.406.452.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.402.691.983	5.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	129.614.774.344	43.053.476.045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35.192.009.619)	(613.958.120.638)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.532.506.089.067	2.787.353.888.467
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.826.892.208.027)	(2.749.542.920.011)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(56.973.605.940)	(8.039.867.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(351.359.724.900)	29.771.100.956
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	362.102.731.440	95.765.802.420
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	316.046.660.768	220.279.692.398
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	180.840.799	1.165.950
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	678.330.033.007	316.046.660.768


VÕ NGỌC THỦY
Người lập


PHẠM HOÀNG HIỆP
Kê toán trưởng


TRẦN QUỐC TOÀN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2015